

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ DƯỢC MỸ PHẨM HÀ NỘI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ DƯỢC MỸ PHẨM HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HA NOI COSMETIC PHARMACEUTICAL TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: COTECH PHARM., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109895038

**3. Ngày thành lập:** 22/01/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 69 Phố Huỳnh Thúc Kháng, Phường Yết Kiêu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0784818686

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                     | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                      | 4610        |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                        | 4620        |
| 3.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                            | 4632        |
| 4.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                              | 4633        |
| 5.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                          | 4641        |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh  | 4649(Chính) |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;                                                 | 4659        |
| 8.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                  | 4661        |
| 9.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng; Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm); | 4669        |
| 10. | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa                                                                                                          | 0118        |
| 11. | Trồng cây ăn quả                                                                                                                              | 0121        |
| 12. | Trồng cây lấy quả chứa dầu                                                                                                                    | 0122        |
| 13. | Trồng cây điều                                                                                                                                | 0123        |
| 14. | Trồng cây hồ tiêu                                                                                                                             | 0124        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 15. | Trồng cây cao su                                                                                                                                                                                                                                                    | 0125 |
| 16. | Trồng cây cà phê                                                                                                                                                                                                                                                    | 0126 |
| 17. | Trồng cây chè                                                                                                                                                                                                                                                       | 0127 |
| 18. | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm                                                                                                                                                                                                             | 0128 |
| 19. | Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm                                                                                                                                                                                                                                 | 0131 |
| 20. | Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò                                                                                                                                                                                                                       | 0141 |
| 21. | Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn                                                                                                                                                                                                                                 | 0145 |
| 22. | Chăn nuôi gia cầm                                                                                                                                                                                                                                                   | 0146 |
| 23. | Chăn nuôi khác                                                                                                                                                                                                                                                      | 0149 |
| 24. | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                                                                                                                                                                                        | 0161 |
| 25. | Hoạt động dịch vụ chăn nuôi                                                                                                                                                                                                                                         | 0162 |
| 26. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                           | 8230 |
| 27. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc;                                     | 8299 |
| 28. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, pháp luật, chứng khoán)                                                                                                                       | 6619 |
| 29. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản                                                                                             | 6820 |
| 30. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                            | 7020 |
| 31. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                           | 7310 |
| 32. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                            | 7320 |
| 33. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dịch vụ chuyển giao công nghệ; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                   | 7490 |
| 34. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                        | 4690 |
| 35. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá nội, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; | 4711 |
| 36. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)                                                                                                                    | 4719 |
| 37. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                    | 4722 |

|     |                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 38. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                         | 4723 |
| 39. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                           | 1030 |
| 40. | Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh                                                                                                                                          | 1101 |
| 41. | Sản xuất rượu vang                                                                                                                                                                     | 1102 |
| 42. | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng                                                                                                                                                | 1104 |
| 43. | Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp                                                                                                                | 2021 |
| 44. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                 | 2023 |
| 45. | Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu<br>Chi tiết: Doanh nghiệp sản xuất thuốc;                                                                                                        | 2100 |
| 46. | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                                                                                  | 2392 |
| 47. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                         | 4933 |
| 48. | Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng<br>(trừ răng giả)                                                                                          | 3250 |
| 49. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng;                                                                                                        | 3290 |
| 50. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                | 4759 |
| 51. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; | 4772 |
| 52. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh, hạt giống, phân bón, động vật cảnh và thức ăn cho động vật cảnh;                      | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 8.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                                       | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN<br>VĂN SỸ | B11a05 Imperia<br>Garden 203<br>Nguyễn Huy<br>Tường, Phường<br>Thanh Xuân<br>Trung, Quận<br>Thanh Xuân,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 288.000       | 2.880.000.000            | 36,000       | 0360650000<br>43                                                                                                       |            |
|     |                  |                                                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                                                          | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                                                          | Tổng số                            | 288.000       | 2.880.000.000            | 36,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                                                          |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | PHAN HỒNG<br>SÂM | B11a05 Imperia<br>Garden 203<br>Nguyễn Huy<br>Tường, Phường<br>Thanh Xuân<br>Trung, Quận<br>Thanh Xuân,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 72.000        | 720.000.000              | 9,000        | 0011720243<br>26                                                                                                       |            |
|     |                  |                                                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                                                          | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                                                          | Tổng số                            | 72.000        | 720.000.000              | 9,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                                                          |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                   |                                                                                       |                           |         |               |        |              |
|---|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | PHAN THỊ MINH TÂM | Số 3 Ngõ 180 Thái Thịnh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam     | Cổ phần phổ thông         | 200.000 | 2.000.000.000 | 25,000 | 001166015999 |
|   |                   |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                       | Tổng số                   | 200.000 | 2.000.000.000 | 25,000 |              |
| 4 | HOÀNG NGỌC TIẾN   | Số 69 Phố Huỳnh Thúc Kháng, Phường Yết Kiêu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 200.000 | 2.000.000.000 | 25,000 | 001061017875 |
|   |                   |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                       | Tổng số                   | 200.000 | 2.000.000.000 | 25,000 |              |
| 5 | PHAN THỊ THU VÂN  | Phố Huyện, Thị Trấn Quốc Oai, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam              | Cổ phần phổ thông         | 40.000  | 400.000.000   | 5,000  | 001185010738 |
|   |                   |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                       | Tổng số                   | 40.000  | 400.000.000   | 5,000  |              |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN SỸ

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 05/05/1965

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036065000043

Ngày cấp: 10/04/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *B11a05 Imperia Garden 203 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *B11a05 Imperia Garden 203 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội